

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày 26-9-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thắng và ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-DS ngày 09/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tiêu Thị L**, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1984; địa chỉ: số 147 N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt chị D.

2. Bị đơn:

2.1. Anh **Bùi Tuấn A**, sinh năm 1985; địa chỉ: số 115 đường Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt

2.2. Chị **Nguyễn Thị Thùy Tr**, sinh năm 1990; địa chỉ: khu 9, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn và người đại diện trình bày:

Chị Tiêu Thị L với anh Bùi Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thùy Tr có quan hệ thân thiết trong thời gian hơn 10 năm. Khi anh Tuấn A và chị Tr còn trong thời kỳ hôn nhân có kinh doanh cửa hàng linh, phụ kiện điện thoại ở thành phố Hải Dương; đã nhiều lần vay tiền của chị L để nhập hàng.

Ngày 01/11/2020 (âm lịch), tức ngày 14/12/2020 (dương lịch), anh Tuấn A và chị Tr gọi điện thoại hỏi vay chị L số tiền 300.000.000 đồng để nhập hàng. Cùng ngày, anh Tuấn A và chị Tr đến nhà chị L tại địa chỉ thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương để nhận tiền. Chị L đã giao đủ số tiền mặt 300.000.000 đồng cho anh Tuấn A và chị Tr. Đồng thời, chị L viết giấy vay tiền với nội dung “*Bùi Tuấn A và Nguyễn Thị Thùy Tr có vay của cô Tiêu Thị L 300.000.000 đồng, lãi suất theo ngân hàng*”, bên vay và bên cho vay ký xác nhận. Tại giấy vay tiền này, không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, mà thống nhất giữa hai bên, khi chị L cần sẽ điện thoại báo trước để anh Tuấn A, chị Tr thu xếp trả lại tiền như những lần vay trước. Về mức lãi suất tại giấy vay tiền thỏa thuận theo lãi suất ngân hàng, được hai bên hiểu là theo mức lãi 9%/năm (*mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm vay*).

Đến tháng 6/2021, anh Tuấn A và chị Tr ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương. Mặc dù chị L đã nhiều lần yêu cầu anh Tuấn A và chị Tr trả nợ cả gốc và lãi nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Ngày 09/5/2022, chị L đã gửi Thông báo về việc yêu cầu anh Tuấn A và chị Tr có nghĩa vụ thanh toán nợ nhưng bị đơn vẫn chưa trả nợ.

Chị L xác định đây là khoản nợ chung của anh Tuấn A và chị Tr. Nguồn gốc số tiền cho vay là tài sản riêng của chị không liên quan đến chồng chị là anh Lê Hải D, sinh năm 1968, địa chỉ: xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chị L không biết văn bản thỏa thuận ngày 22/6/2021 giữa anh Tuấn A và chị Tr, chị không đồng ý với thỏa thuận này, chị không có thỏa thuận nào khác đối với anh Tuấn A và chị Tr về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay, chị L yêu cầu anh Bùi Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thùy Tr thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 14/12/2020 đến ngày 09/9/2022 là 46.899.000 đồng (*theo mức lãi suất là 9%/năm*). Trường hợp bị đơn trả ngay nợ gốc, chị sẽ miễn toàn bộ lãi suất cho bị đơn.

Bị đơn anh Tuấn A và chị Tr trình bày:

Anh Tuấn A và chị Tr nhất trí với phần trình bày của nguyên đơn về khoản nợ gốc và lãi suất, quá trình vay nợ giữa hai bên. Số tiền vay, anh chị sử dụng vào việc kinh doanh chung. Do công việc kinh doanh bị ảnh hưởng bởi đại

dịch Covid, kinh tế gặp nhiều khó khăn nên anh chị chưa thanh toán tiền nợ gốc, lãi suất cho nguyên đơn. Hiện, anh chị đã ly hôn từ ngày 30/6/2021.

Anh Bùi Tuấn A nhất trí với yêu cầu khởi kiện chị L. Anh đề nghị được trả dần và xin chị L miễn toàn bộ lãi.

Chị Nguyễn Thị Thùy Tr xác định, chị và anh Tuấn A đã có thỏa thuận phân chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ tại biên bản ngày 22/6/2021. Theo đó, nghĩa vụ trả nợ thuộc về anh Tuấn A. Đến nay, chị không liên quan đến nghĩa vụ trả nợ cho chị L nên chị không nhất trí cùng anh Tuấn A có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi cho chị L.

Tại phiên tòa:

Các đương sự giữ nguyên nội dung đã trình bày nêu trên. Ngoài ra, đại diện nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải trả lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục trả lãi sau khi xét xử nếu chưa thanh toán nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Bùi Tuấn A, chị Nguyễn Thị Thùy Tr phải trả cho chị Tiêu Thị L số nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận. Về án phí, buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo Giấy vay tiền ngày 01/11/2020 (âm lịch) tức ngày 14/12/2020 (dương lịch). Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Vụ án có hai đồng bị đơn cư trú ở hai địa chỉ khác nhau, nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn cư trú giải quyết. Bị đơn anh Bùi Tuấn A có địa chỉ tại 115 Đ, phường P, thành phố H. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

[2] Ngày 01/11/2020 (âm lịch), tức ngày 14/12/2020 (dương lịch), chị Tiêu Thị L cho anh Bùi Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thùy Tr vay số tiền 300.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy vay tiền. Thỏa thuận lãi suất 9%/năm. Xét thỏa thuận vay tiền giữa chị L với anh Tuấn A và chị Tr là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, được hai bên thừa nhận. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tiền không kỳ hạn và có lãi. Ngày 09/5/2022, chị L gửi Thông báo

về việc yêu cầu anh Tuấn A và chị Tr thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Đến nay, anh Tuấn A, chị Tr chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi suất. Như vậy, việc chị L khởi kiện là có căn cứ.

[3] Ngày 30/6/2021, chị Tr và anh Tuấn A đã ly hôn, tại Quyết định số: 162/2021/QĐST-HNGĐ của TAND thành phố Hải Dương. Tại Quyết định, mục phần tài sản ghi: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, Tòa án chưa giải quyết về quan hệ tài sản giữa chị Tr và anh Tuấn A khi anh chị ly hôn. Trước khi ly hôn, ngày 22/6/2022, chị Tr và anh Tuấn A có lập biên bản thỏa thuận giao cho anh Tuấn A có nghĩa vụ trả khoản nợ chung của vợ chồng, trong đó có khoản vay nợ chị L. Việc thỏa thuận này, chị L không biết và không nhất trí với sự thỏa thuận này nên không có hiệu lực đối với chị L. Căn cứ Điều 27, Điều 37 và Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị Tr và anh Tuấn A phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị Tr. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Tr và anh Tuấn A có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 14/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2022 là 01 năm 09 tháng 12 ngày x 9%/năm = 48.150.000 đồng. Chia theo phần, mỗi người có nghĩa vụ trả nợ 1/2.

[4] Về án phí: Chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 288, 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tiêu Thị L.

2. Buộc anh Bùi Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thùy Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Tiêu Thị L tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và lãi suất 48.150.000 đồng; tổng là 348.150.000 đồng. Chia theo phần, chị Tr có nghĩa vụ trả 174.075.000 đồng, anh Tuấn A có nghĩa vụ trả 174.075.000 đồng,

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Bùi Tuấn A phải chịu 8.703.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Thùy Tr phải chịu 8.703.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chị Tiêu Thị L 8.517.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2021/0000286 ngày 14/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn